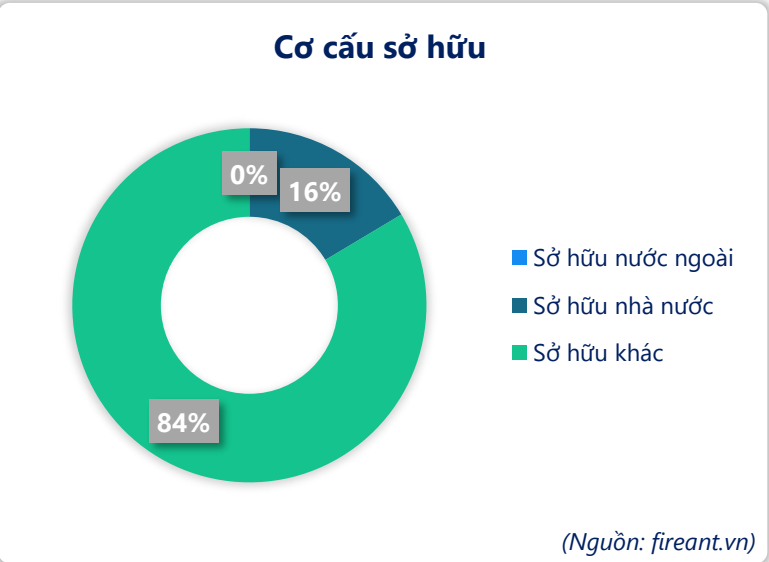
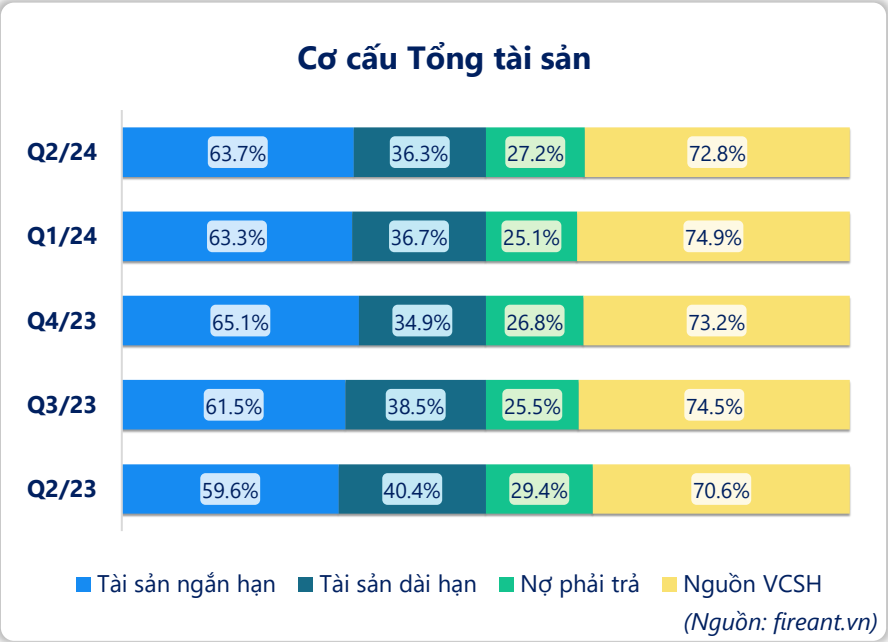
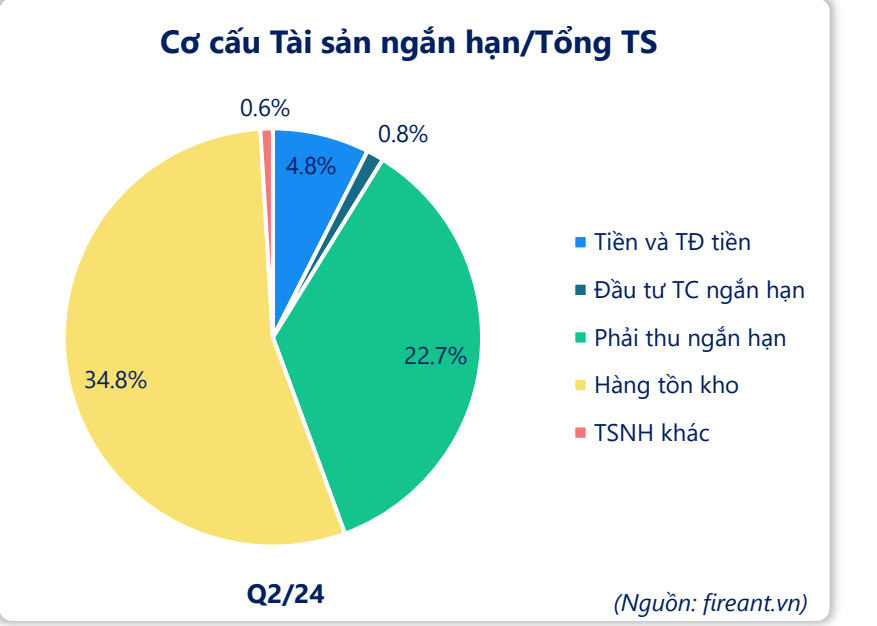
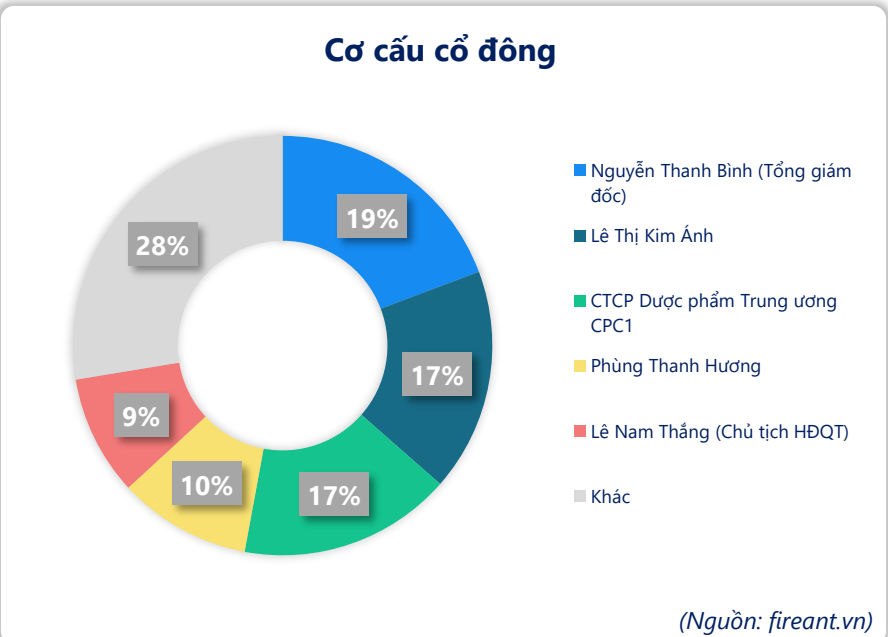
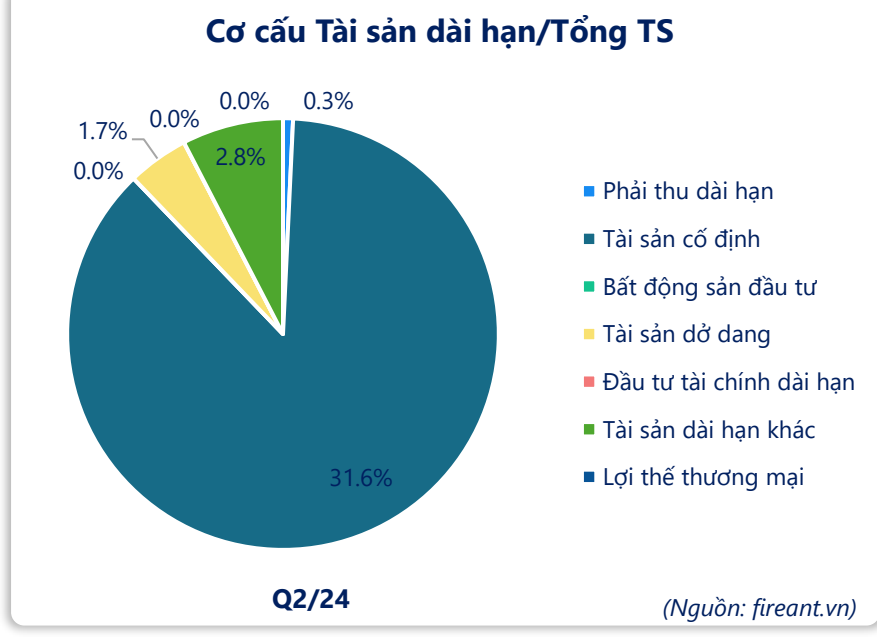
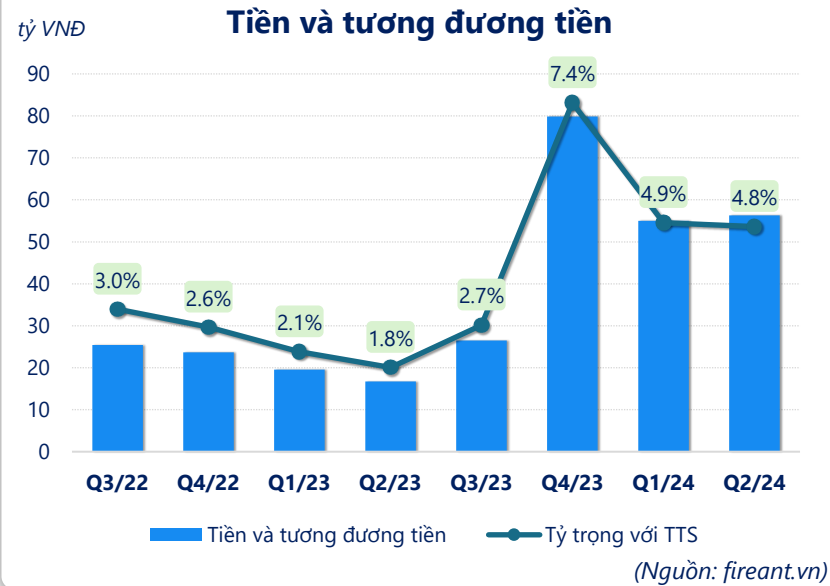
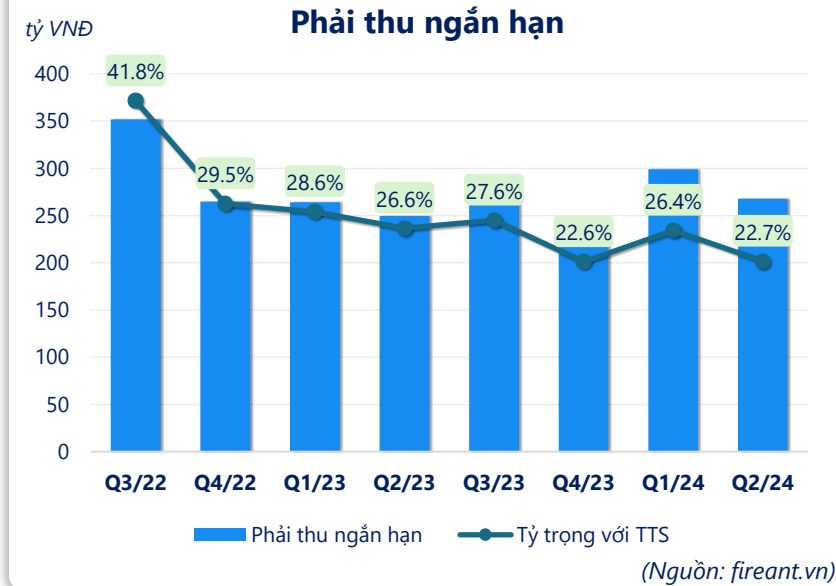
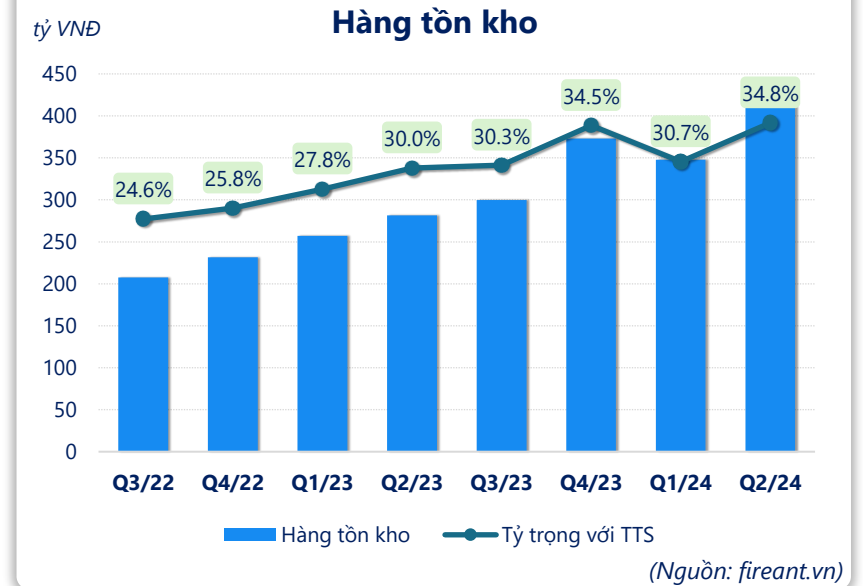
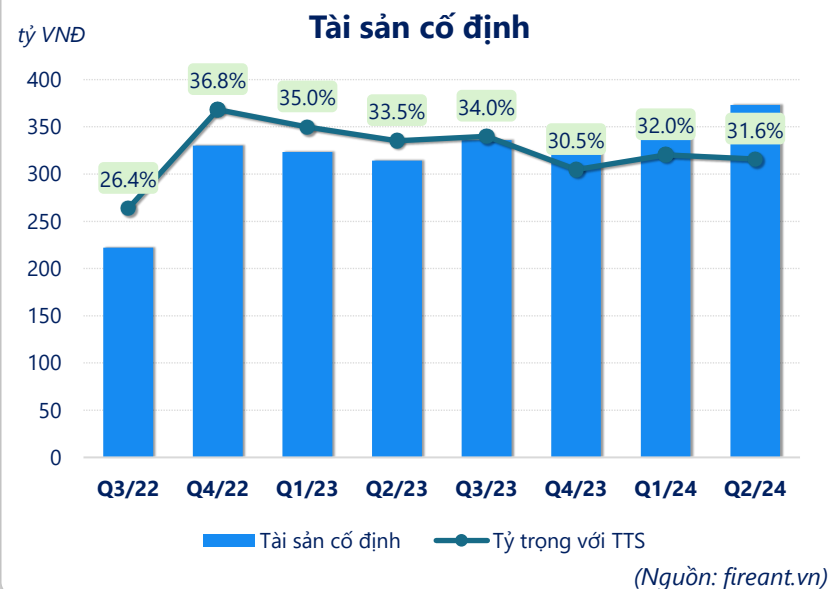
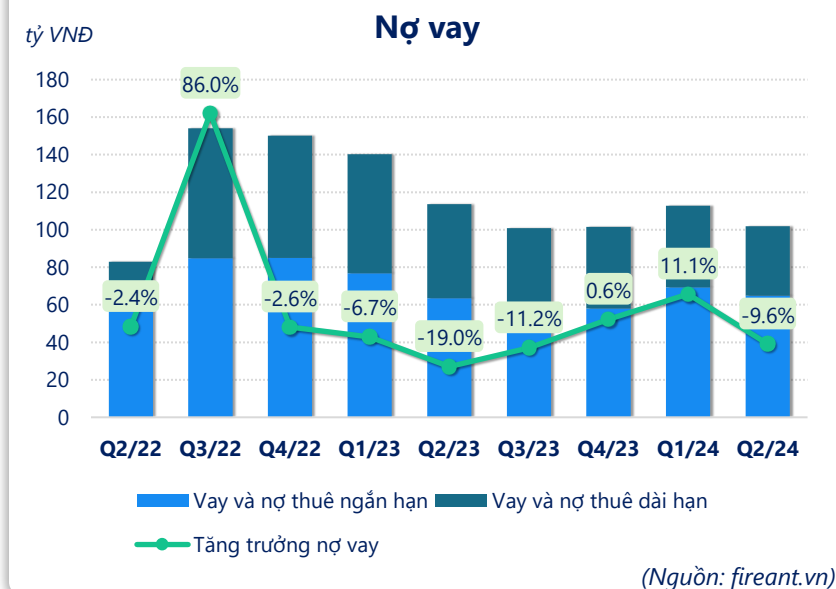
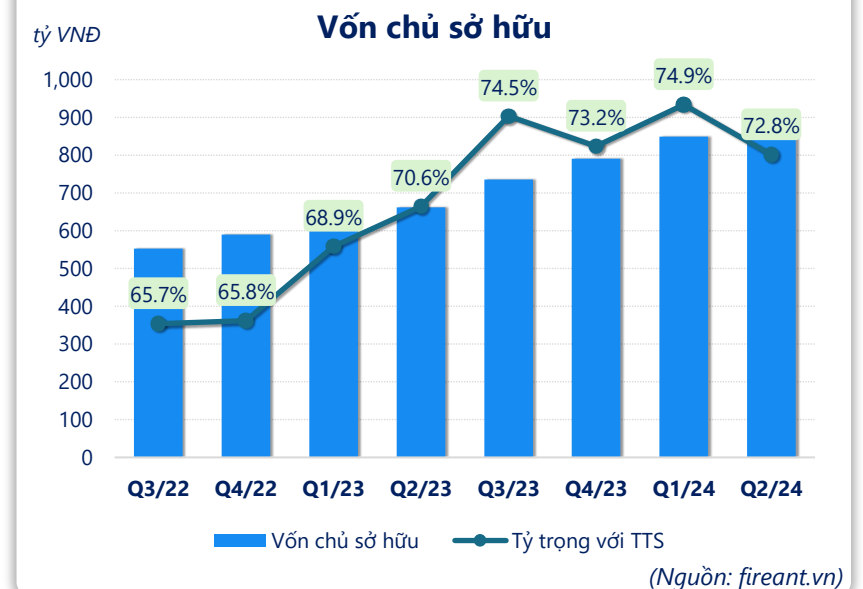
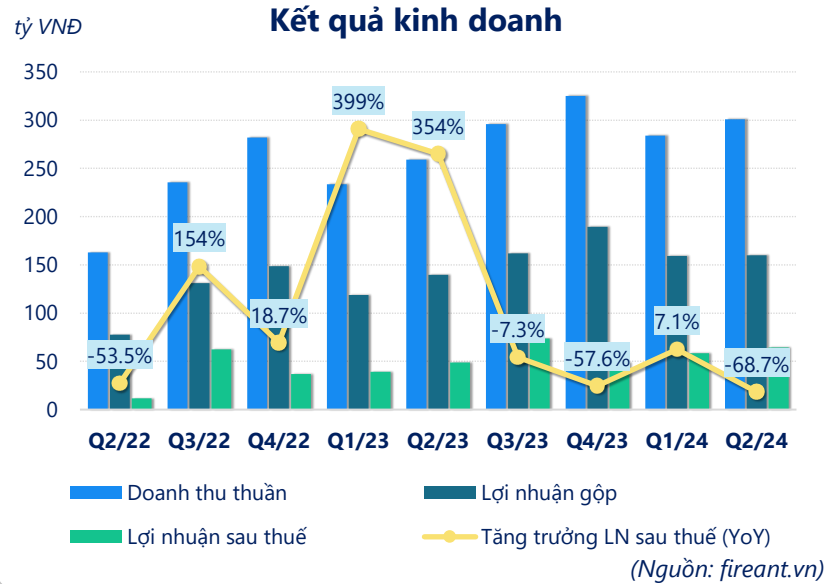
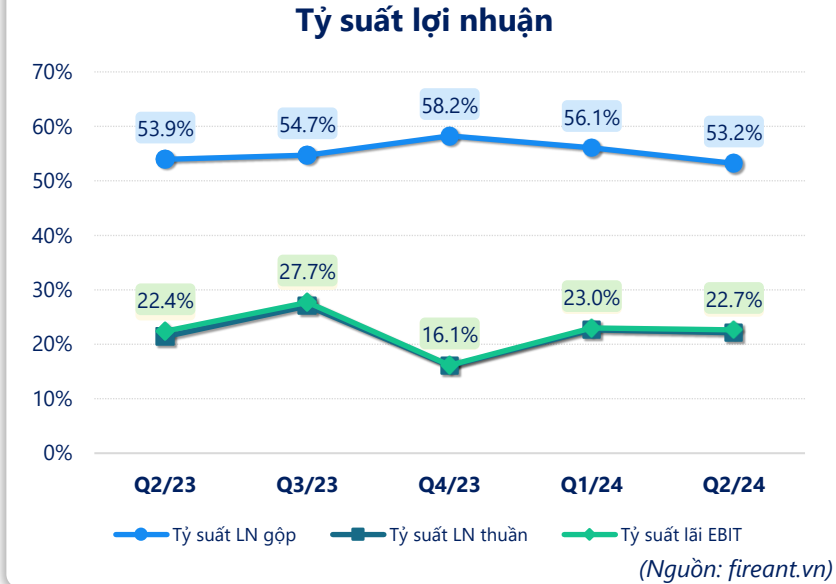
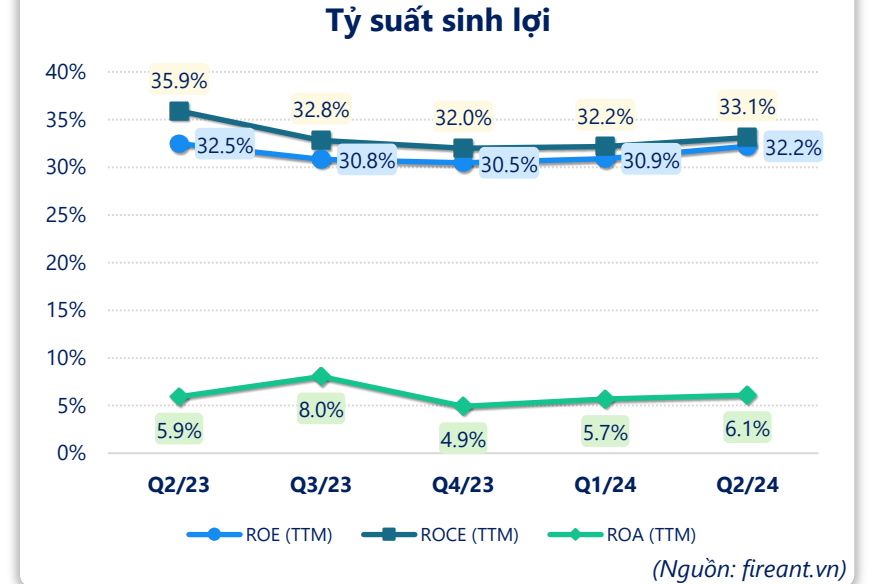
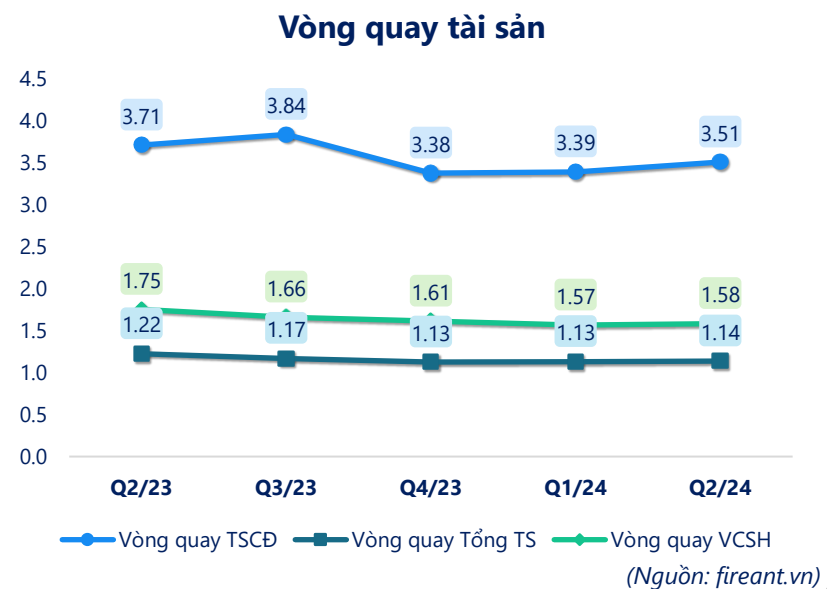
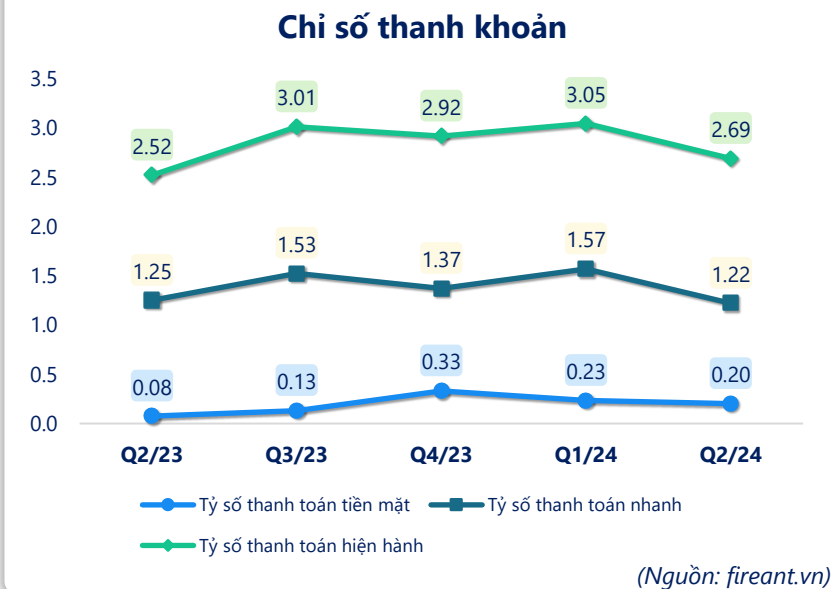
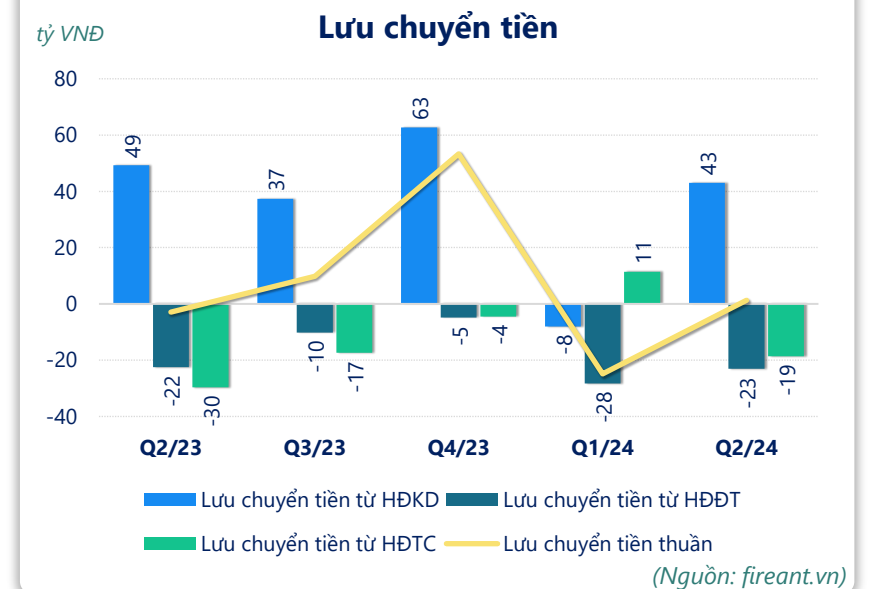


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	127,000	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	139,894	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	81,113	
SL cổ phiếu LH	16,229,042	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,280	
% sở hữu nước ngoài	0.0%	
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,061	
P/E	8.4	
EPS	15,097	

	YTD	1T	3T	6T
DTP	-5.8%	0.0%	6.7%	-5.9%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,181	1,082	9.1%
Tài sản ngắn hạn	753	706	6.7%
Tiền và tương đương tiền	56.3	79.8	-29.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	0	
Phải thu ngắn hạn	268	244	9.6%
Hàng tồn kho	411	375	9.7%
Tài sản ngắn hạn khác	7.27	6.47	12.3%
Tài sản dài hạn	428	377	13.7%
Phải thu dài hạn	3.21	3.01	6.9%
Tài sản cố định	373	329	13.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.6	11.1	76.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	32.5	33.3	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	321	292	10.1%
Nợ ngắn hạn	280	243	15.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	64.9	58.0	11.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	76.2	62.5	21.9%
Nợ dài hạn	41.3	48.6	-15.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	37.0	43.5	-14.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	860	791	8.8%
Vốn chủ sở hữu	860	791	8.8%
Vốn điều lệ	162	162	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	259	296	325	284	301
Giá vốn hàng bán	119	134	136	125	141
Lợi nhuận gộp	140	162	189	159	160
Doanh thu HĐTC	0.50	0.09	0.32	0.68	0.56
Chi phí TC	2.57	2.23	2.44	2.01	3.14
Chi phí lãi vay	2.52	1.98	1.87	1.53	1.63
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	75.7	70.3	120	84.2	81.6
Chi phí QLDN	6.43	9.52	15.0	9.44	9.29
LN thuần từ HĐKD	55.5	80.0	52.1	64.3	66.5
Lợi nhuận khác	0.01	-0.01	-1.53	-0.48	-0.05
LN trước thuế	55.5	80.0	50.6	63.8	66.5
Lợi nhuận sau thuế	48.9	73.6	48.6	58.3	64.4
LNST của CĐ cty mẹ	48.9	73.6	48.6	58.3	64.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.2	37.3	62.7	-8.07	43.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.4	-10.2	-4.91	-28.2	-23.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.7	-17.4	-4.46	11.5	-18.7
Tiền đầu kỳ	19.5	16.7	26.5	79.8	55.0
Lưu chuyển tiền thuần	-2.86	9.78	53.3	-24.9	1.34
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	0	0.05	0	0.00
Tiền cuối kỳ	16.7	26.5	79.8	55.0	56.3

(Nguồn: fireant.vn)